

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/03/2022

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Ngô Thị Hằng

2. Bà Lê Thị Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Lê Trọng L, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

**Bị đơn:** Chị Thái Thị H, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt anh L, chị H (anh L, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Trọng L trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Thái Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới ngày 10/11/1988, không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2000 anh đã chuyển ra ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị H.

- *Về con cái:* Anh và chị H có 02 con chung tên là Lê Thế A, sinh năm 1990, Lê Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*-Về tài sản và công nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Thái Thị H trình bày:***

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới ngày 10/11/1988, không có đăng ký kết hôn.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2000 anh L đã chuyển đi ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh L làm đơn xin ly hôn chị tại tòa án, chị đồng ý.

-*Về con cái:* Chị và anh L có 02 con chung tên là Lê Thế A, sinh năm 1990, Lê Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*-Về tài sản và công nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương xã Q: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q thì không có tên anh Lê Trọng L và chị Thái Thị H.

Anh Lê Trọng L và chị Thái Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Nay anh L xin ly hôn chị H tại tòa án, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh, chị có 02 con chung là Lê Thế A, sinh năm 1990, Lê Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay các cháu đã trưởng thành. Về tài sản và công nợ: Địa phương không nắm được, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X. Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Điều 9; Điều 11 và Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS.Đề nghị HĐXX tuyên: Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Trọng L và chị Thái Thị H là vợ chồng. Về con chung: anh, chị thống nhất có 02 con chung là Lê Thế A, sinh năm 1990, Lê Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xét. Về tài sản và công nợ: anh, chị không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xét. Về án phí: Anh Lê Trọng L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; tuy nhiên anh L thuộc diện người cao tuổi, anh đã có đơn xin miễn án phí đề nghị HĐXX căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Chính phủ miễn án phí cho anh Lê Trọng L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê Trọng L đang cư trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; chị Thái Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Anh L có đơn xin ly hôn chị H tại Tòa án; Đây là quan hệ “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh L, chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Anh L, chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn, cho đến nay anh, chị vẫn chưa đi đăng ký kết hôn. Quá trình anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh L là do tính tình anh, chị không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2000 anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị H.

*Chị H thừa nhận*: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Năm 2000, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh L làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án, chị đồng ý.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X. Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì anh L, chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Do đó HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 11; Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận anh Lê Trọng L và chị Thái Thị H là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Anh, chị có 02 con chung tên là Lê Thế A, sinh năm 1990, Lê Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xét.

[4] *Về tài sản và công nợ*: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; tuy nhiên anh L thuộc diện người cao tuổi, anh đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí cho anh Lê Trọng L là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000. Điều 8; Điều 9; Khoản 1 Điều 11; Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

### **Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận anh Lê Trọng L và chị Thái Thị H là vợ chồng

2. *Về con chung:* Anh, chị có 02 con chung là Lê Thế A, sinh năm 1990, Lê Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xét.

3. *Về tài sản và công nợ:* Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí:* Anh L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho anh L 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh đã nộp, theo biên lai thu số 9310 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh L, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND H.Quảng Xương;
- Đường sự;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Chi cục THADS H.Quảng Xương;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Lý**